

NĂNG LỰC GIAO TIẾP CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

THE COMMUNICATIVE COMPETENCE OF STUDENTS AT TRA VINH UNIVERSITY

Phạm Văn Tuấn

Trường Đại học Trà Vinh; phamtuan_tb83@yahoo.com

Tóm tắt - Năng lực giao tiếp là một trong những năng lực quan trọng đối với sinh viên, việc học tập và rèn luyện nâng cao năng lực giao tiếp không những giúp sinh viên nâng cao năng lực nghề nghiệp mà còn giúp nâng cao cơ hội việc làm và khả năng thành công trong cuộc sống. Bài viết trình bày kết quả nghiên cứu về năng lực giao tiếp của sinh viên Trường Đại học Trà Vinh và một số yếu tố ảnh hưởng. Kết quả nghiên cứu cho thấy năng lực giao tiếp của sinh viên Trường Đại học Trà Vinh ở mức khá. Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến năng lực giao tiếp của sinh viên, trong số các yếu tố được khảo sát, "tính tích cực học tập, rèn luyện năng lực giao tiếp" và "môi trường học tập, rèn luyện năng lực giao tiếp" là những yếu tố có ảnh hưởng nhiều nhất.

Từ khóa - năng lực; giao tiếp; năng lực giao tiếp; sinh viên; Trường Đại học Trà Vinh

1. Đặt vấn đề

Năng lực giao tiếp là một trong những năng lực rất cần thiết đối với người lao động ở bất kỳ ngành nghề nào, nó ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả công việc. Chính vì vậy, năng lực giao tiếp đã trở thành một trong những tiêu chí tuyển dụng quan trọng trong quá trình tuyển chọn nhân viên của các tổ chức, doanh nghiệp.

Sinh viên là lực lượng lao động trong tương lai, việc học tập, rèn luyện nâng cao năng lực giao tiếp có ý nghĩa đặc biệt quan trọng giúp sinh viên có thể đáp ứng tốt các yêu cầu của nhà tuyển dụng, nâng cao cơ hội tìm kiếm việc làm, nâng cao khả năng thành công trong sự nghiệp.

Nhiều nghiên cứu gần đây chỉ ra rằng năng lực giao tiếp của sinh viên chưa cao [3], [5]. Chính điều này đã phần nào hạn chế cơ hội tìm kiếm việc làm và làm giảm hiệu quả công việc của các em sau khi ra trường. Nghiên cứu của chúng tôi được thực hiện nhằm đánh giá mức độ biểu hiện năng lực giao tiếp của sinh viên Trường Đại học Trà Vinh và mức độ ảnh hưởng của một số yếu tố đến năng lực giao tiếp của sinh viên, thông qua đó đề xuất một số biện pháp góp phần nâng cao năng lực giao tiếp cho sinh viên Trường Đại học Trà Vinh.

Nghiên cứu được tiến hành trên 178 sinh viên hệ chính quy các ngành Luật, Sư phạm mầm non, Quản trị văn phòng; Xét nghiệm y học Trường Đại học Trà Vinh với phương pháp nghiên cứu như: điều tra, bảng hỏi, phỏng vấn sâu và quan sát. Kết quả nghiên cứu được xử lý bằng phần mềm SPSS 18.0.

Trong bài viết này chúng tôi trình bày tổng quan về trạng năng lực giao tiếp của sinh viên Trường Đại học Trà Vinh, một số yếu tố ảnh hưởng đến năng lực giao tiếp của sinh viên, đồng thời so sánh năng lực giao tiếp của sinh viên theo một số tiêu chí như ngành học, năm học. Bên cạnh đó chúng tôi trình bày một số biện pháp được đề xuất nhằm nâng cao năng lực giao tiếp cho sinh viên Trường Đại học Trà Vinh.

Abstract - Communicative competence is one of the important competences for students; learning and practising communicative competence not only help students enhance their professional competence but also gain more access to employment opportunities and chances to succeed in life. The paper presents the results of a study on the communicative competence of students at Tra Vinh University as well as its influential factors. The findings show that the communicative competence of students in Tra Vinh University is fairly good. There are many factors that affect the students' communicative competence; among the factors examined, "eagerness in learning and practising communicative competence" and "the environment for learning and practising communicative competence" are the most influential ones.

Key words - communication; competence; communicative competence; students; Tra Vinh University.

2. Một số vấn đề tổng quan về năng lực giao tiếp

Năng lực giao tiếp hay kỹ năng giao tiếp là một trong những yếu tố đóng vai trò quan trọng trong đời sống của con người, vì vậy vấn đề này từ lâu đã được quan tâm nghiên cứu, đặc biệt là trong các nghiên cứu về khoa học tâm lý – giáo dục.

Khi nghiên cứu về kỹ năng giao tiếp, đa số các nhà nghiên cứu đều cho rằng kỹ năng giao tiếp là năng lực thực hiện có hiệu quả quá trình giao tiếp trên cơ sở vận dụng tốt các tri thức về quá trình giao tiếp và thực hiện tốt các hành vi giao tiếp.

Tác giả Vũ Dũng quan niệm kỹ năng giao tiếp là năng lực vận dụng có hiệu quả những tri thức, hiểu biết về quá trình giao tiếp, các yếu tố tham gia và ảnh hưởng tới quá trình giao tiếp cũng như sử dụng có hiệu quả các phương tiện giao tiếp, phối hợp hài hòa toàn bộ hành vi, ứng xử, cử chỉ... để giúp chủ thể đạt được những mục đích nhất định trong quá trình giao tiếp [1].

Có cùng quan điểm với tác giả Vũ Dũng, tác giả Nguyễn Văn Đồng cho rằng kỹ năng giao tiếp là năng lực vận dụng có hiệu quả những tri thức về quá trình giao tiếp, cũng như sử dụng có hiệu quả và phối hợp hài hòa các phương tiện giao tiếp ngôn ngữ, phi ngôn ngữ và phương tiện kỹ thuật để đạt mục đích đã định trong giao tiếp [2].

Khi bàn về phân loại kỹ năng giao tiếp, đa số tác giả đều cho rằng kỹ năng giao tiếp bao gồm nhiều kỹ năng khác nhau gắn với quá trình giao tiếp. Các tác giả A.A. Bôđaliôv, N.V.Cudomina, A. A. Leonchiev... phân loại kỹ năng giao tiếp thành 3 loại: kỹ năng định hướng, kỹ năng định vị và kỹ năng điều khiển cuộc giao tiếp. Còn theo V.P.Dakharov, kỹ năng giao tiếp gồm 10 kỹ năng cơ bản: kỹ năng thiết lập mối quan hệ trong giao tiếp, kỹ năng cân bằng nhu cầu của bản thân và đối tượng giao tiếp, kỹ năng nghe và biết lắng nghe, kỹ năng làm chủ cảm xúc và hành vi, kỹ năng thuyết phục, kỹ năng diễn đạt, kỹ năng linh hoạt, mềm dẻo trong

giao tiếp, kỹ năng điều khiển quá trình giao tiếp, sự nhạy cảm trong giao tiếp [4]...

3. Thực trạng năng lực giao tiếp của sinh viên Trường Đại học Trà Vinh

3.1. Biểu hiện năng lực giao tiếp của sinh viên

Năng lực giao tiếp của sinh viên được chúng tôi nghiên cứu ở hai khía cạnh biểu hiện: Năng lực định hướng, tổ chức và Năng lực thực hiện quá trình giao tiếp. Khảo sát năng lực định hướng, tổ chức quá trình giao tiếp của sinh viên, chúng tôi thu được kết quả như sau:

Bảng 1. Năng lực định hướng, tổ chức quá trình giao tiếp của sinh viên

| STT | Các năng lực cụ thể: | ĐTB | ĐLC | Thứ bậc |
|------|---|------|------|---------|
| 1 | Tiếp xúc, thiết lập quan hệ giao tiếp | 2,07 | 0,73 | 1 |
| 2 | Nắm bắt mục đích của đối tác giao tiếp | 2,21 | 0,65 | 6 |
| 3 | Nắm bắt cảm xúc, tâm trạng của đối tác giao tiếp | 2,15 | 0,77 | 3 |
| 4 | Xây dựng bầu không khí giao tiếp tích cực | 2,20 | 0,74 | 5 |
| 5 | Xây dựng hình ảnh bản thân trong giao tiếp | 2,08 | 0,71 | 2 |
| 6 | Tổ chức môi trường/bối cảnh giao tiếp thích hợp (lựa chọn, sắp xếp thời gian, không gian, địa điểm giao tiếp) | 2,17 | 0,76 | 4 |
| ĐTB: | | 2,15 | 0,73 | |

Ghi chú: Điểm càng cao, năng lực giao tiếp càng hạn chế

Xét chung toàn thang đo, kết quả nghiên cứu ở Bảng 1 cho thấy **năng lực định hướng, tổ chức quá trình giao tiếp của sinh viên ở mức Khá** (ĐTB = 2,15).

Xét riêng từng biểu hiện, “năng lực tiếp xúc, thiết lập quan hệ giao tiếp” được đánh giá là tốt nhất (xếp ở vị trí thứ nhất trong thang đo với ĐTB = 2,07). Tiếp xúc và thiết lập quan hệ với đối tác giao tiếp được xem là bước đầu tiên của quá trình giao tiếp, thực hiện tốt bước này sẽ góp phần giúp cho quá trình giao tiếp diễn ra thuận lợi và thành công. Kết quả nghiên cứu cho thấy sinh viên đã thực hiện khá tốt hoạt động này. Qua trò chuyện, sinh viên L.M.Đ cho biết “*việc tiếp xúc và thiết lập quan hệ với mọi người đối với em khá dễ dàng, thường thì khi gặp người khác đầu tiên em chào họ, thăm hỏi họ để bắt đầu cuộc nói chuyện*”.

“Năng lực xây dựng hình ảnh của bản thân trong giao tiếp” được đánh giá xếp ở vị trí thứ 2 trong thang đo (ĐTB = 2,08). Kết quả này cho thấy sinh viên nhận định rằng mình đã thực hiện khá tốt việc xây dựng hình ảnh của bản thân trong quá trình giao tiếp nhằm tạo ấn tượng tốt với đối tác giao tiếp, góp phần giúp cho quá trình giao tiếp được thành công. Em L.M.Đ, L.T.T.L cho biết “*khi giao tiếp với người khác em rất quan tâm đến hình ảnh bên ngoài của bản thân từ quần áo, đầu tóc đến phong cách giao tiếp, em nghĩ rằng điều này rất quan trọng và bản thân em luôn tạo được hình ảnh đẹp trong mắt của đối tượng giao tiếp*”.

Để tổ chức thành công một cuộc giao tiếp, ngoài năng lực tiếp xúc, thiết lập quan hệ giao tiếp với đối tượng giao

tiếp; năng lực xây dựng hình ảnh bản thân; các năng lực khác như tổ chức môi trường/bối cảnh giao tiếp (lựa chọn, sắp xếp thời gian, không gian, địa điểm giao tiếp); nắm bắt nhu cầu, mục đích của đối tác giao tiếp; nắm bắt cảm xúc, tâm trạng của đối tác giao tiếp; xây dựng bầu không khí giao tiếp tích cực cũng đóng vai trò hết sức quan trọng. Qua khảo sát chúng tôi nhận thấy những năng lực này của sinh viên cũng ở mức khá nhưng xếp ở các vị trí thấp hơn trong thang đo (từ vị trí số 3 đến vị trí số 6 với ĐTB lần lượt là 2,15, 2,17, 2,20, 2,21). Kết quả này cho thấy sinh viên có khả năng thực hiện khá tốt các hoạt động nhằm định hướng cho việc thực hiện quá trình giao tiếp hiệu quả, nhưng những năng lực này ở sinh viên vẫn còn những hạn chế nhất định cần phải được bồi dưỡng, rèn luyện để hoàn thiện.

Bên cạnh năng lực tổ chức định hướng quá trình giao tiếp, năng lực thực hiện quá trình giao tiếp có ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả giao tiếp. Qua khảo sát năng lực thực hiện quá trình giao tiếp của sinh viên, chúng tôi thu được kết quả như sau:

Bảng 2. Năng lực thực hiện quá trình giao tiếp của sinh viên

| STT | Các năng lực cụ thể: | ĐTB | ĐLC | Thứ bậc |
|------|---|------|------|---------|
| 1 | Làm chủ cảm xúc, hành vi của bản thân trong quá trình giao tiếp | 2,11 | 0,76 | 4 |
| 2 | Lựa chọn và sử dụng ngôn từ trong truyền đạt thông tin đến đối tượng giao tiếp (đặc biệt là giao tiếp bằng lời nói) | 2,19 | 0,73 | 8 |
| 3 | Vận dụng các yếu tố phi ngôn ngữ (như ánh mắt, nét mặt, nụ cười...) trong quá trình giao tiếp | 2,18 | 0,76 | 7 |
| 4 | Thể hiện sự chủ động, tích cực trong quá trình giao tiếp | 2,16 | 0,78 | 5 |
| 5 | Kiểm soát, điều khiển quá trình giao tiếp | 2,35 | 0,71 | 12 |
| 6 | Tạo ấn tượng tốt với đối tác giao tiếp trong suốt quá trình giao tiếp | 2,01 | 0,74 | 3 |
| 7 | Thực hiện các nghi thức cơ bản trong quá trình giao tiếp giao tiếp (chào hỏi, thăm hỏi, bắt tay...) | 1,75 | 0,68 | 1 |
| 8 | Thuyết phục đối tác giao tiếp | 2,33 | 0,70 | 11 |
| 9 | Nhận biết, xử lý các tình huống nảy sinh trong quá trình giao tiếp | 2,30 | 0,72 | 10 |
| 10 | Thể hiện sự tự tin trong giao tiếp | 1,92 | 0,81 | 2 |
| 11 | Duy trì và phát triển cuộc giao tiếp | 2,28 | 0,74 | 9 |
| 12 | Thể hiện sự lắng nghe trong quá trình giao tiếp | 2,17 | 0,78 | 6 |
| ĐTB: | | 2,15 | 0,74 | |

Ghi chú: Điểm càng cao, năng lực giao tiếp càng hạn chế

Từ kết quả khảo sát ở Bảng 2 có thể nhận thấy năng lực thực hiện quá trình giao tiếp của sinh viên cũng đạt ở mức Khá (ĐTB = 2,15).

Phân tích sâu từng năng lực cụ thể, kết quả nghiên cứu cho thấy mức độ biểu hiện của các năng lực giao tiếp khác nhau là khác nhau.

Các năng lực được đánh giá ở mức tốt nhất trong thang đo gồm: “Năng lực thực hiện các nghi thức cơ bản trong quá trình giao tiếp (chào hỏi, thăm hỏi, bắt tay...)”, “Thể hiện sự tự tin trong giao tiếp”, “Tạo ấn tượng tốt với đối tác giao tiếp” (xếp ở vị trí thứ 1,2,3 với ĐTB lần lượt là 1,75, 1,92, 2,01).

Qua phỏng vấn sâu chúng tôi cũng thu được kết quả tương tự, đa số sinh viên được phỏng vấn đều cho rằng các em có thể thực hiện tốt các hoạt động như chào hỏi, tạo ấn tượng tốt với đối tác giao tiếp và thể hiện sự tự tin trong quá trình giao tiếp. Em L.T.T.L. “trong quá trình giao tiếp em nhận thấy bản thân có thể làm tốt các hoạt động như chào hỏi đối tượng giao tiếp và thể hiện được sự tự tin trong quá trình giao tiếp”, em N.T.H cho biết “em có thể thực hiện tốt những kỹ năng cơ bản trong quá trình giao tiếp với người khác như kỹ năng chào hỏi, bắt chuyện, tạo ấn tượng với người giao tiếp với mình”.

Các năng lực khác đóng vai trò quan trọng trong quá trình giao tiếp như: “Làm chủ cảm xúc, hành vi của bản thân”, “Thể hiện sự chủ động, tích cực trong quá trình giao tiếp”, “Thể hiện sự lắng nghe”, “Vận dụng các yếu tố phi ngôn ngữ (như ánh mắt, nét mặt, nụ cười...) trong quá trình giao tiếp”, “Lựa chọn và sử dụng ngôn từ trong truyền đạt thông tin đến đối tượng giao tiếp (đặc biệt là giao tiếp bằng lời nói)”, “Duy trì và phát triển cuộc giao tiếp” được đánh giá ở mức thấp hơn (xếp ở vị trí thứ 4 đến thứ 9 trong thang đo), đặc biệt các năng lực “Nhận biết, xử lý các tình huống nảy sinh trong quá trình giao tiếp”, “Thuyết phục đối tác giao tiếp”, “Kiểm soát và điều khiển quá trình giao tiếp” xếp ở các thứ bậc thấp nhất của thang đo (xếp ở vị trí thứ 10, 11, 12 với ĐTB lần lượt là 2,30, 2,33, 2,35). Kết quả này cho thấy năng lực thực hiện các hoạt động phức tạp trong quá trình giao tiếp như lắng nghe, vận dụng ngôn ngữ và các yếu tố phi ngôn ngữ trong giao tiếp, xử lý tình huống nảy sinh trong quá trình giao tiếp của sinh viên còn những hạn chế nhất định. Qua phỏng vấn một số giảng viên về năng lực thực hiện quá trình giao tiếp ở sinh viên chúng tôi thu được kết quả tương tự, đa số giảng viên nhận định năng lực thực hiện các hoạt động đơn giản trong quá trình giao tiếp như chào hỏi, giới thiệu làm quen... ở sinh viên là khá tốt nhưng khả năng thực hiện các hoạt động có tính phức tạp hơn như lắng nghe, phản hồi, thảo luận... còn nhiều hạn chế. Cô X.M, nhận định “nhìn chung năng lực thực hiện quá trình giao tiếp của sinh viên ở mức Khá, tuy nhiên khả năng lắng nghe, phản hồi, điều khiển quá trình giao tiếp của sinh viên chưa thực sự hiệu quả”.

Tổng hợp kết quả nghiên cứu về năng lực giao tiếp của sinh viên Trường Đại học Trà Vinh, chúng tôi thu được các bảng số liệu dưới đây:

Bảng 3. Năng lực giao tiếp của sinh viên (theo ĐTB)

| Năng lực giao tiếp của SV | ĐTB |
|--|------|
| Năng lực định hướng, tổ chức quá trình giao tiếp | 2,15 |
| Năng lực thực hiện quá trình giao tiếp | 2,15 |
| ĐTBBC: | 2,15 |

Xét theo ĐTB, số liệu tổng kết ở Bảng 3 cho thấy năng lực giao tiếp của sinh viên Trường Đại học Trà Vinh đạt ở mức Khá. Điều này cũng có nghĩa là năng lực giao tiếp của sinh viên chưa thực sự tốt. Vì vậy việc tiếp tục quan tâm đào tạo, bồi dưỡng năng lực giao tiếp cho sinh viên là việc làm hết sức cần thiết.

Năng lực định hướng, tổ chức quá trình giao tiếp và năng lực thực hiện quá trình giao tiếp của sinh viên là như nhau và đều đạt ở mức Khá (ĐTB = 2,15). Năng lực định hướng, tổ chức quá trình giao tiếp và năng lực thực hiện quá trình giao tiếp của sinh viên có mối tương quan thuận với nhau rất chặt chẽ ($r = 0,86, p < 0,05$). Điều này có nghĩa là sự thay đổi về năng lực định hướng, tổ chức quá trình giao tiếp sẽ kéo theo sự thay đổi rất lớn về năng lực thực hiện quá trình giao tiếp của sinh viên theo chiều cùng tăng hoặc cùng giảm, kết quả này cho thấy việc nâng cao năng lực định hướng, tổ chức quá trình giao tiếp sẽ góp phần quan trọng vào việc nâng cao năng lực thực hiện quá trình giao tiếp của sinh viên và ngược lại.

Bảng 4. Năng lực giao tiếp của sinh viên (theo %)

| Mức độ | SL | % |
|------------|-----|------|
| Tốt | 42 | 23,6 |
| Khá | 97 | 54,5 |
| Trung bình | 38 | 21,3 |
| Kém | 01 | 0,6 |
| Tổng | 178 | 100 |

Xét theo %, số liệu ở Bảng 4 cho thấy năng lực giao tiếp của đa số sinh viên đạt ở mức Khá (54,5%), bên cạnh đó có 23,6% sinh viên đạt ở mức Tốt, tuy nhiên còn tới 21,3% sinh viên có năng lực giao tiếp ở mức Trung bình và 0,6% sinh viên có năng lực giao tiếp ở mức Kém. Đây là những con số rất đáng phải quan tâm.

Bảng 5. Năng lực giao tiếp của sinh viên xét theo ngành học

| STT | Ngành học | ĐTB |
|-----|--------------------|------|
| 1 | Sư phạm mầm non | 1,98 |
| 2 | Quản trị văn phòng | 2,09 |
| 3 | Luật | 2,28 |
| 4 | Xét nghiệm y học | 2,39 |

Ghi chú: Điểm càng cao, năng lực giao tiếp càng hạn chế

So sánh năng lực giao tiếp của sinh viên giữa các ngành học khác nhau, kết quả nghiên cứu cho thấy có sự khác biệt ($p < 0,05$). Năng lực giao tiếp của sinh viên nhóm ngành Sư phạm mầm non và Quản trị văn phòng tốt hơn so với sinh viên nhóm ngành Luật và Xét nghiệm Y học (xem Bảng 5). Sự khác biệt này được chúng tôi lý giải là do sinh viên nhóm ngành Sư phạm mầm non và Quản trị văn phòng đã được trang bị kỹ năng giao tiếp thông qua môn học Kỹ năng giao tiếp ở trên lớp.

Bảng 6. Năng lực giao tiếp của sinh viên xét theo năm học

| STT | Năm học | ĐTB |
|-----|---------------------|------|
| 1 | Sinh viên năm 1 & 2 | 2,16 |
| 2 | Sinh viên năm 3 & 4 | 2,13 |

Kết quả nghiên cứu ở Bảng 6 cho thấy không có sự khác biệt ($p > 0,05$) về năng lực giao tiếp giữa sinh viên những

năm đầu và sinh viên năm những năm cuối, có nghĩa là năng lực giao tiếp của sinh viên các năm học khác nhau là như nhau và đều ở mức Khá. Điều này cho thấy sinh viên các năm cuối chưa tích cực hơn trong việc rèn luyện nâng cao kỹ năng giao tiếp của bản thân.

3.2. Một số yếu tố ảnh hưởng đến năng lực giao tiếp của sinh viên

Năng lực giao tiếp của sinh viên có thể bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khác nhau. Khảo sát mức độ biểu hiện, mối tương quan và mức độ ảnh hưởng của một số yếu tố như: nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của việc rèn luyện năng lực giao tiếp; nhu cầu và tính tích cực rèn luyện năng lực giao tiếp của sinh viên; sự quan tâm của nhà trường và giảng viên trong việc bồi dưỡng nâng cao năng lực giao tiếp cho sinh viên; môi trường rèn luyện năng lực giao tiếp của sinh viên, chúng tôi thu được kết quả như sau:

Bảng 7. Mức độ biểu hiện của các yếu tố ảnh hưởng

| Yếu tố | ĐTB | ĐLC |
|---|------|------|
| Chủ quan: | | |
| 1. Nhận thức về tầm quan trọng và ý nghĩa của việc nâng cao năng lực giao tiếp | 1,63 | 0,62 |
| 2. Nhu cầu học tập, bồi dưỡng năng lực giao tiếp | 1,95 | 0,70 |
| 3. Tính tích cực rèn luyện năng lực giao tiếp | 1,51 | 0,66 |
| Khách quan: | | |
| 1. Sự quan tâm của nhà trường đối với việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực giao tiếp cho sinh viên | 1,95 | 0,65 |
| 2. Sự quan tâm của giảng viên đối với việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực giao tiếp cho sinh viên | 2,03 | 0,71 |
| 3. Môi trường học tập, rèn luyện nâng cao năng lực giao tiếp của SV | 2,08 | 0,73 |

Số liệu ở Bảng 7 cho thấy sinh viên có nhận thức khá đúng đắn về sự cần thiết cũng như ý nghĩa của việc học tập và rèn luyện năng lực giao tiếp (ĐTB = 1,63). Bên cạnh đó sinh viên có nhu cầu khá cao (ĐTB = 1,95) và có tính tích cực cao trong việc học tập, rèn luyện năng lực giao tiếp (ĐTB = 1,51). Nhà trường và giảng viên đã khá quan tâm đến việc đào tạo và bồi dưỡng năng lực giao tiếp cho sinh viên (ĐTB = 1,95 và 2,03), đồng thời sinh viên cũng đã có được môi trường khá thuận lợi cho việc học tập và rèn luyện nâng cao năng lực giao tiếp.

Bảng 8. Mối tương quan và khả năng giải thích của các yếu tố ảnh hưởng

| Yếu tố | Hệ số tương quan (r) | Khả năng giải thích (R^2) |
|--|----------------------|-------------------------------|
| 1. Nhận thức về tầm quan trọng và ý nghĩa của việc nâng cao năng lực giao tiếp | 0,34*** | 0,113*** |
| 2. Nhu cầu học tập, bồi dưỡng năng lực giao tiếp | 0,38*** | 0,148*** |
| 3. Tính tích cực rèn luyện năng lực giao tiếp | 0,50*** | 0,253*** |
| Các yếu tố chủ quan | 0,53*** | 0,275*** |

| | | |
|---|---------|----------|
| 1. Sự quan tâm của nhà trường đối với việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực giao tiếp cho sinh viên | 0,36*** | 0,127*** |
| 2. Sự quan tâm của giảng viên đối với việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực giao tiếp cho sinh viên | 0,40*** | 0,156*** |
| 3. Môi trường học tập, rèn luyện nâng cao năng lực giao tiếp của sinh viên | 0,43*** | 0,182*** |
| Các yếu tố khách quan | 0,47*** | 0,219*** |
| Tất cả các yếu tố: | | 0,317*** |

Ghi chú: *** với $p < 0.01$

Bảng 8 cho thấy các yếu tố được xem xét đều có tương quan thuận với năng lực giao tiếp của sinh viên:

+ Mức độ tương quan giữa các yếu tố chủ quan với năng lực giao tiếp của sinh viên là khá chặt chẽ ($r = 0,53$; $p < 0,01$). Trong ba yếu tố, yếu tố “Tính tích cực rèn luyện năng lực giao tiếp của sinh viên” có mối tương quan chặt chẽ nhất ($r = 0,50$; $p < 0,01$), kế đến là “Nhu cầu học tập, rèn luyện năng lực giao tiếp của sinh viên” (với $r = 0,38$; $p < 0,01$) và cuối cùng là “Nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng và ý nghĩa của việc học tập và rèn luyện năng lực giao tiếp” (với $r = 0,34$; $p < 0,01$). Các yếu tố này có khả năng giải thích 27,5% sự thay đổi năng lực giao tiếp của sinh viên, trong đó yếu tố có khả năng giải thích ở mức cao nhất là “Tính tích cực rèn luyện năng lực giao tiếp của sinh viên” (25,3%).

+ Các yếu tố khách quan cũng có mối tương quan chặt chẽ với năng lực giao tiếp của sinh viên nhưng ở mức thấp hơn ($r = 0,47$; $p < 0,01$). Yếu tố “Môi trường học tập, rèn luyện nâng cao năng lực giao tiếp của sinh viên” có tương quan chặt chẽ nhất ($r = 0,43$; $p < 0,01$), kế đến là “Sự quan tâm của giảng viên đối với việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực giao tiếp cho sinh viên” (với $r = 0,40$; $p < 0,01$) và cuối cùng là “Sự quan tâm của nhà trường đối với việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực giao tiếp cho sinh viên” (với $r = 0,36$; $p < 0,01$). Các yếu tố chủ quan có thể giải thích được 21,9% sự thay đổi về năng lực giao tiếp của sinh viên, yếu tố có khả năng giải thích ở mức cao nhất là “Môi trường học tập, rèn luyện nâng cao năng lực giao tiếp của sinh viên” (18,2%).

+ Tổng hợp tất cả các yếu tố chủ quan và khách quan có khả năng giải thích sự thay đổi về năng lực giao tiếp của sinh viên ở mức độ cao hơn từng yếu tố riêng lẻ (31,7%).

Như vậy, từ những phân tích ở trên có thể thấy tất cả các yếu tố chủ quan và khách quan được xem xét đều có ảnh hưởng đến năng lực giao tiếp của sinh viên nhưng ở những mức độ khác nhau. Các yếu tố chủ quan có ảnh hưởng nhiều hơn các yếu tố khách quan đến năng lực giao tiếp của sinh viên. Kết quả nghiên cứu này cho thấy trong quá trình tìm kiếm các biện pháp nhằm nâng cao năng lực giao tiếp của sinh viên cần phải tính tới tất cả các yếu tố, đặc biệt là các yếu tố chủ quan.

4. Kết luận và kiến nghị

4.1. Kết luận

Qua nghiên cứu thực trạng năng lực giao tiếp của sinh viên Trường Đại học Trà Vinh, chúng tôi đưa ra một số kết

luận như sau:

+ Năng lực giao tiếp của sinh viên Trường Đại học Trà Vinh đạt ở mức Khá.

+ Các yếu tố được khảo sát đều có ảnh hưởng đến năng lực giao tiếp của sinh viên, các yếu tố chủ quan có ảnh hưởng lớn hơn các yếu tố khách quan. Trong số các yếu tố chủ quan, yếu tố “tính tích cực học tập, rèn luyện năng lực giao tiếp của sinh viên” có ảnh hưởng lớn nhất. Trong số các yếu tố khách quan, yếu tố “Môi trường học tập, rèn luyện năng lực giao tiếp của sinh viên” có ảnh hưởng lớn nhất.

4.2. Kiến nghị

Từ kết quả nghiên cứu thực trạng kỹ năng giao tiếp của sinh viên, chúng tôi cho rằng để nâng cao năng lực giao tiếp của sinh viên Trường Đại học Trà Vinh, nhà trường và giảng viên cần thực hiện tốt các biện pháp sau:

+ Nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng và ý nghĩa của việc học tập và rèn luyện năng lực giao tiếp, nâng cao tính tích cực của sinh viên trong việc học tập và rèn luyện năng lực giao tiếp thông qua việc tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề về năng lực giao tiếp cho sinh viên, tổ chức các buổi giao lưu giữa sinh viên với những người thành đạt, với nhà tuyển dụng..., tổ chức các kì thi về kỹ năng giao tiếp cho sinh viên tham gia, tổ chức các hoạt động tập thể...

+ Nhà trường cần đưa môn Kỹ năng giao tiếp vào giảng dạy cho sinh viên tất cả các ngành học, bên cạnh đó cần thường xuyên mở các lớp tập huấn về kỹ năng giao tiếp

cho sinh viên, đặc biệt là các kỹ năng như kỹ năng lắng nghe, kỹ năng quản lý cảm xúc, kỹ năng thuyết phục, kỹ năng giải quyết tình huống trong giao tiếp...

+ Giảng viên cần quan tâm hơn nữa tới việc bồi dưỡng, rèn luyện năng lực giao tiếp cho sinh viên trong quá trình giảng dạy ở trên lớp thông qua việc tăng cường áp dụng các phương pháp giảng dạy có tính tương tác cao giữa người dạy và người học, giữa người học với người học trong giờ học trên lớp; kịp thời phát hiện và điều chỉnh những sai sót của sinh viên trong quá trình giao tiếp ở trên lớp..

+ Xây dựng môi trường giao tiếp thuận lợi tạo điều kiện tốt cho sinh viên học tập và rèn luyện nâng cao năng lực giao tiếp như xây dựng và ban hành các quy định về văn hóa giao tiếp trong trường học; sự gương mẫu trong giao tiếp của giảng viên và đội ngũ viên chức trong trường...

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Vũ Dũng, *Tâm lý học giao tiếp*, Trường Cao đẳng Lao động Xã hội, 2003.
- [2] Nguyễn Văn Đồng, *Tâm lý học giao tiếp*, Nxb Chính trị - Hành chính, 2010.
- [3] Lê Thị Hồng Hạnh, “Kỹ năng mềm của sinh viên năm cuối Trường Đại học An Giang”, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học An Giang*, Số 5(1), 2015.
- [4] Ngô Công Hoàn, *Những trắc nghiệm tâm lý tập 2*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 1997.
- [5] Hoàng Thế Nhật, “Kỹ năng sống của sinh viên khoa Sư phạm Trường Đại học An Giang”, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học An Giang*, Số 5(1), 2015.

(BBT nhận bài: 17/07/2015, phản biện xong: 28/08/2015)